TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

2. Ông Thiệu Minh Quỳnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1997

Đăng ký HKTT: Thôn PT2, xã XH, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ liên hệ: Thôn HL, xã XH, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang lao động tại: K Iz Sh Banchi, Nhật Bản.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Khắc H**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn PT2, xã XH, huyện VT, tỉnh Thái Bình

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Hữu T1**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Hữu Lộc, xã XH, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt anh H, ông T1; Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/6/2022; Bản tự khai ngày 16/6/2022, Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 26/7/2022; Nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Khắc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện VT, tỉnh Thái Bình ngày 18/5/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 11/2018 thì chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm nhau qua điện thoại. Đến tháng 6/2019, vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách, ít hỏi han, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng chị đã hòa giải nhưng không có kết quả và sống ly thân từ tháng 9/2019. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Khắc H.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Nguyễn Khắc H có một con chung là cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 22/3/2016. Do cháu Y là con gái nên cần có sự quan tâm của mẹ, ông bà nội đã già yếu, anh H thì bận mải không thể chăm sóc tốt cho con chung được. Ly hôn chị đề nghị chị được trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con và chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Do chị đang lao động tại Nhật Bản không thể trực tiếp nuôi con chung được nên chị ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu T1 (là bố đẻ chị) nuôi cháu Nguyễn Hải Y trong thời gian chị đi lao động làm ăn xa nhà. Về cấp dưỡng nuôi con giữa chị và ông T1 hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh H có 01 thửa đất 100m^2 tại thôn Hữu Lộc, xã XH, huyện VT, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị và anh H. Chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, khi chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản chị và anh H có vay 200 triệu đồng cho chị đi lao động. Đến nay chị đã trả 120 triệu đồng còn 80 triệu đồng. Anh H yêu cầu chị trả 40 triệu đồng chị đồng ý nhưng anh H phải đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên không thể về Tòa án tham gia tố tụng được, chị có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

** Anh Nguyễn Khắc H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện VT, tỉnh Thái Bình ngày 18/5/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 11/2018 thì chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu vợ

chồng vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại. Đến tháng 5/2019, chị T không liên lạc về cho anh và gia đình anh. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nay tình cảm của anh vẫn còn, tình cảm vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn chị T.

Về quan hệ con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có một con chung là cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 22/3/2016. Hiện nay, cháu Yến đang sống cùng anh. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, anh không yêu chị T phải cấp dưỡng nuôi con và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Về tài sản chung, anh và chị T có 01 thửa đất 100m^2 tại thôn Hữu Lộc, xã XH, huyện VT, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh và chị T. Về nợ chung, khi chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản anh và gia đình có vay 200 triệu đồng cho chị T đi lao động. Đến nay chị T đã trả 120 triệu đồng còn 80 triệu đồng, chị T phải trả anh 40 triệu đồng. Về tài sản chung và nợ chung anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu vợ chồng thỏa thuận xong về tài sản thì anh mới đồng ý ly hôn chị T.

** Ông Nguyễn Hữu T1 trình bày:* Ông là bố đẻ của chị Nguyễn Thị T, chị T và anh H có một con chung là cháu Nguyễn Hải Y, hiện nay cháu Y đang ở với ông. Do chị T đang lao động tại Nhật Bản không thể trực tiếp nuôi cháu Y được, chị T ủy quyền cho ông nuôi con Nguyễn Hải Y giúp chị T trong thời gian chị T lao động, làm ăn xa nhà, ông đồng ý. Việc cấp dưỡng nuôi con giữa ông và chị T hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa:**

- *Anh Nguyễn Khắc H trình bày*: Chị T đi lao động tại Nhật Bản, không liên lạc về với anh từ tháng 5/2019, anh và chị T sống ly thân từ tháng 6/2019. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý. Anh và chị T có một con chung là cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 22/3/2016, sau khi chị T về nghỉ phép đã đón cháu Y về ở với chị T và ông bà ngoại. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái là nghĩa vụ của bố mẹ, chị T đã đi Nhật Bản nên cháu Y cần có bố chăm sóc, bảo ban học hành. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ông Nguyễn Hữu T1 trình bày*: Hiện nay cháu Yến đang học lớp một, cần có người đưa đón cháu đi học, anh H làm công việc giao hàng, đi làm từ sáng đến tối mới về, ông nội cháu Y thì bị tai biến, bà nội thì cũng lớn tuổi, đưa đón cháu Yđi học là khó khăn. Hiện tại, ông còn khỏe, có khả năng đưa đón cháu Y tốt hơn. Vì vậy, đề nghị Tòa án giao cháu Y cho chị T nuôi dưỡng, ông nhất trí nhận ủy quyền của chị T nuôi dưỡng cháu Y trong thời gian chị T đi làm ăn xa nhà. Việc cấp

dưỡng nuôi cháu Y giữa ông và chị T hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng***:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T ở nước ngoài (Nhật Bản), căn cứ vào khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Khắc H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã XH, huyện VT, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/5/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 11/2018 thì chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đến tháng 5/2019, chị T và anh H không liên lạc, hỏi han, quan tâm nhau. Chị T, anh H đã hòa giải với nhau nhưng không thành và vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Chị T xin ly hôn, anh H đồng ý, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị là có thật, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khắc H là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Khắc H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 22/3/2016, hiện nay con chung đang ở với ông Nguyễn Hữu T1 (bố đẻ chị T). Do chị T đang lao động tại Nhật Bản không trực tiếp chăm sóc con chung, chị T ủy quyền cho ông T1 (bố đẻ chị T) chăm sóc con chung giúp chị trong thời gian chị T đi lao động xa nhà, anh H không đồng ý. Anh H hiện đang có việc làm, có chỗ ở, thu nhập ổn định, đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Khắc H và chị Nguyễn Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung và tại phiên tòa anh H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì vậy không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khắc H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Khắc H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 22/3/2016. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Khắc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005372 ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Nguyễn Khắc H, ông Nguyễn Hữu T1, vắng mặt chị Nguyễn Thị T. Anh H, ông T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã XH, h.VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Tô Thị Lý